

Số: *437* /SNN-PTNT

Điện Biên, ngày 20 tháng 3 năm 2018

V/v hướng dẫn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 397/HDLN-SNN-STC-SLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Liên ngành: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội về định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 như sau:

I. DỰ ÁN TRỒNG TRỌT

1. Giống cây

Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh Điện Biên sử dụng giống cây trồng như: cây lương thực (lúa thuần, lúa lai, lúa cạn, ngô lai); cây công nghiệp ngắn ngày (đậu tương, đậu xanh, đậu đen, lạc); cây hoa màu (khoai tây, khoai lang, khoai sọ, sắn, dong riềng, ý dĩ); cây rau (ngô rau, súp lơ, cải bắp, cải bẹ, cải ăn lá các loại, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, mướp đắng,...); cây hoa (hoa hồng, hoa lay ơn, hoa cúc,...); cây ăn quả (bưởi, cam, quýt, na, hồng,...); ghép cải tạo (nhãn, vải, xoài, bưởi, mắc cở); cây công nghiệp dài ngày (Chè Shan Tủa Chùa, cà phê catimor,...) thuộc các giống nằm trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

Ưu tiên sử dụng các giống cây trồng nằm trong Thông báo Danh mục giống cây trồng của tỉnh và các giống cây trồng địa phương (giống cây trồng đã được sản xuất tại tỉnh, có nhiều đặc tính ưu việt, phù hợp với tập quán canh tác của người dân).

2. Thuốc bảo vệ thực vật

Để đảm bảo an toàn và hiệu quả kinh tế cho các đối tượng tham gia mô hình, dự án cần đảm bảo 4 nguyên tắc cơ bản gồm: đúng thuốc, đúng liều lượng

và nồng độ, đúng lúc, đúng cách và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn địa phương.

II. DỰ ÁN CHĂN NUÔI

1. Giống vật nuôi

- Giống trâu: Trâu địa phương
- Giống bò: Bò vàng địa phương, bò lai Zebu (con lai của bò vàng với các giống: Red Sindhi, Sahiwal và Brahman).
- Giống dê: Dê cái ngoại, dê cái nội, lai, dê Bách thảo.
- Giống lợn:
 - + Giống lợn nuôi sinh sản: nái ngoại (Landrace, Yorkshire); nái lai (con lai giữa lợn nội và lợn Landrace, Yorkshire).
 - + Giống lợn nuôi lấy thịt: Lợn ngoại (Landrace, Yorkshire, Duroc, Pietrain và các con lai của chúng); lợn lai (lợn lai giữa các giống lợn nội và lợn ngoại).

Các giống lợn nội đã được nuôi phát triển phù hợp, ổn định tại các địa phương trong tỉnh và con lai giữa các giống đó.

- Giống gà:
 - + Giống gà nuôi sinh sản: gà Ai cập, gà H'Mông, gà ri;
 - + Giống gà nuôi lấy thịt: gà lông màu (Lương Phượng, Tam Hoàng, Sacso, Kabir); gà lai (con lai của gà lông màu với gà nội); gà nội (gà Ri, gà Mía, H'Mông, gà chọi và các con lai của chúng).
- Giống vịt:
 - + Giống vịt nuôi sinh sản: Cỏ, Triết Giang, TC, CV2000 Layer, Khaki Campbell, TsN15 - Đại Xuyên, Star13;
 - + Giống vịt nuôi lấy thịt: vịt ngoại CV SuperM (SM, SM2, SM2i, SM3, SM3SH), Star53, Star76, M14, M15, Szarwas; vịt địa phương, vịt lai giữa vịt ngoại với vịt nội.
- Giống ngan: Ngan Pháp, ngan dé, ngan trâu, ngan sao.
- Giống thỏ: Thỏ nội (thỏ xám, thỏ đen); Thỏ ngoại (thỏ California, thỏ Newzealand).

- Giống ong: ong nội (Apis Cerana); ong ngoại (Apis Mellifera).

2. Cách xác định trọng lượng trâu, bò

Có 2 phương pháp xác định trọng lượng:

- Phương pháp 1: Sử dụng cân

- Phương pháp 2: Đo chiều dài thân chéo, số đo vòng ngực rồi tính trọng lượng theo công thức:

+ Đối với trâu: Trọng lượng (kg) = $VN^2 \times DTC \times 88,4$

+ Đối với bò: Trọng lượng (kg) = $VN^2 \times DTC \times 90$

Nếu trâu, bò béo thì cộng thêm 5% trên số kg tính được.

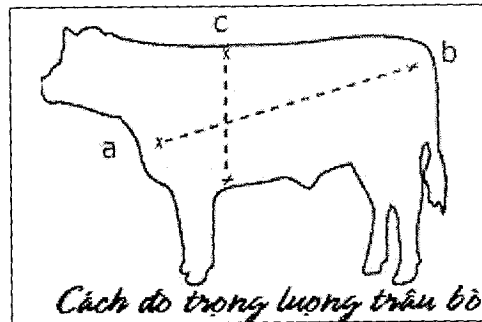
Nếu trâu, bò gầy thì trừ 5% trên số kg tính được.

Trong đó:

VN: Vòng ngực của trâu, bò tính bằng mét. Là chu vi lồng ngực tiếp giáp

với phía sau xương bả vai (dùng thước dây để đo).

DTC: Dài thân chéo tính bằng mét. Là khoảng cách từ chỗ lồi phía trước của xương bả vai đến phía sau u xương ngồi (dùng thước dây hoặc thước gậy để đo).



3. Thuốc thú y và vắc xin tiêm phòng

- Thuốc thú y: Áp dụng cho từng vật nuôi, theo dự án, quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị và tuân thủ theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Danh mục thuốc thú y và được phép lưu hành tại Việt Nam, Danh mục thuốc thú y cấm lưu hành tại Việt Nam;

- Vắc xin tiêm phòng: Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

4. Tiêu chuẩn, chất lượng giống vật nuôi

Con giống phải khỏe mạnh, nhanh nhẹn có nguồn gốc rõ ràng và được sản xuất từ vùng không có dịch bệnh thuộc danh mục các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; đối với con giống có nguồn gốc ngoại tỉnh phải có giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển. Riêng ong mật và các sản phẩm từ ong mật thuộc diện miễn kiểm dịch.

5. Điều kiện để được hỗ trợ giống vật nuôi

Hộ nhận gia súc, gia cầm phải lập cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Phải có chuồng nuôi trước khi nhận gia súc, gia cầm và đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm 6, mục II văn bản này;

- Không thả rông, đảm bảo đủ thức ăn, quản lý chăm sóc tốt; hộ trồng lúa phải dự trữ, bảo quản rơm cho trâu, bò.

- Không được bán, đổi, giết thịt khi gia súc làm nái vẫn sinh sản tốt.

6. Tiêu chuẩn chuồng trại chăn nuôi

- Chuồng nuôi trâu, bò: diện tích đảm bảo trên $6m^2$, nền cứng không trơn trượt bằng xi măng hoặc lát gạch độ dày tối thiểu 10cm hoặc nền đất nện; nền chuồng cao hơn mặt đất xung quanh từ 20-30 cm, có độ dốc 2-3% xuôi về phía rãnh thoát nước; cột cứng làm bằng bê tông cốt thép hoặc gỗ tốt, văng bằng bê tông hoặc gỗ, tre tốt; mái không bị dột, che chắn chống nắng, chống rét; có hồ chứa phân dung tích trên $1,5m^3$ để thu gom và xử lý chất thải.

- Chuồng nuôi dê: diện tích từ $5m^2$ trở lên. Chuồng làm bằng tre, gỗ tốt; có đủ máng ăn máng uống; sàn cao hơn nền chõng từ 20-30 cm, nền cao hơn mặt đất xung quanh 20-30 cm bằng xi măng hoặc lát gạch hoặc đất nện; mái không bị dột, che chắn chống nắng, chống rét; có rãnh thoát nước quanh chuồng, hồ chứa phân dung tích trên $1m^3$ để thu gom và xử lý chất thải.

- Chuồng nuôi lợn: Diện tích từ 6m² trở lên. Chuồng xây bằng gạch, đá hoặc làm bằng tre, gỗ tốt; tường hoặc dóng cao 1,2-1,4m tính từ mặt sàn; nền chuồng cao hơn mặt đất xung quanh 30-45cm, bằng xi măng độ dày tối thiểu 10cm không trơn trượt, có độ dốc 2-3% xuôi về phía rãnh thoát nước; mái không bị dột, che chắn chống nắng, chống rét; có đủ máng ăn và máng uống cho lợn. Hố chứa phân dung tích trên 2m³ để thu gom và xử lý chất thải.

- Chuồng nuôi gia cầm: Diện tích từ 6m² trở lên; chuồng xây hoặc làm bằng gỗ, tre tốt, nền bằng xi măng hoặc lát gạch hoặc đất nện cao hơn mặt đất xung quanh trên 20cm; mái không bị dột, che chắn chống nắng, chống rét; có đủ máng ăn, máng uống; khu vực chăn thả phải có tường hoặc lưới hoặc rào ngăn không cho gia cầm ra ngoài; có hố chứa và ủ phân.

- Chuồng nuôi thỏ: Diện tích từ 1m² trở lên, chuồng nuôi có thể làm bằng tre, gỗ hoặc sắt thép, sàn chuồng cách mặt đất khoảng 50-60cm. Sàn chuồng làm bằng lưới hoặc nan tre để dễ lọt phân.

- Thùng nuôi ong: Làm bằng gỗ tự nhiên, nhẹ không mùi. Thùng phải kín để địch hại không xâm nhập được. Thiết kế thùng phải tiện cho quản lý, chăm sóc đàn ong, kích thước thùng: đối với ong nội dài thùng 42,5cm, rộng thùng 30cm, cao thùng 27 cm; đối với ong ngoại dài thùng 48,5cm, rộng thùng 42cm, cao thùng 27cm.

III. DỰ ÁN LÂM NGHIỆP

1. Các hạng mục lâm sinh được hỗ trợ

Trồng rừng sản xuất, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy.

2. Xây dựng dự án

- Các hoạt động hỗ trợ lâm nghiệp được xây dựng trong dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo của xã.

- Trình tự thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án thực hiện theo Điều 5, quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND.

- Nội dung hỗ trợ các hoạt động lâm nghiệp trong dự án được xây dựng đơn giản, cơ bản xác định được khối lượng, địa điểm, tiến độ thực hiện, tổng mức hỗ trợ đầu tư...

3. Lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế các công trình lâm sinh

Sau khi dự án được phê duyệt, căn cứ kế hoạch phân bổ vốn Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững hằng năm của UBND tỉnh. UBND cấp huyện phân bổ kinh phí về UBND cấp xã. UBND các xã lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ lâm sinh theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

4. Giống cây lâm nghiệp

Giống cây trồng lâm nghiệp để trồng rừng phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng theo quy định của Pháp lệnh giống cây trồng, Quyết định số 89/2005/QĐ-

BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành quy chế quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp và nằm trong danh mục cây giống được quy định tại Quyết định số 4961/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục các loài cây chủ lực cho trồng rừng sản xuất và danh mục các loài cây trồng rừng chủ yếu cho trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp.

IV. DỰ ÁN THỦY SẢN

1. Giống thủy sản

- Cá rô phi đơn tính, rô đầu vuông, trắm cỏ, trôi (Mrigal, Rôhu), mè, chép.
- Tôm càng xanh.

2. Điều kiện để nhận hỗ trợ

- Nuôi cá: Ao nuôi cá phải có diện tích từ 100m² trở lên; độ sâu mực nước 1,2-1,5m; bờ ao không bị rò, rỉ và cao hơn mức nước cao nhất 0,5m; có nguồn nước sạch cấp chủ động; có cống cấp, thoát nước; có đặng chắn chắc chắn để bảo vệ cá và phòng ngừa dịch hại.

- Nuôi tôm càng xanh: Chỉ hỗ trợ cho các hộ có diện tích ao nuôi tôm từ 300m² trở lên; độ sâu mực nước 1,2-1,5m; bờ ao không bị rò, rỉ và cao hơn mức nước cao nhất 0,5m; có nguồn nước sạch cấp chủ động; có cống cấp, thoát nước; có đặng chắn chắc chắn để bảo vệ tôm và phòng ngừa dịch hại và phải đảm bảo cung cấp đủ thức ăn cho tôm, chăm sóc, quản lý ao nuôi tốt.

3. Tiêu chuẩn chất lượng giống thủy sản

Đảm bảo nguồn gốc con giống; cá giống, tôm giống phải đồng đều, khỏe mạnh, không dị tật, không bị xây sát, hoạt động nhanh nhẹn, bơi theo đàn, phản xạ nhanh với tiếng động, màu sắc tươi sáng, không có dấu hiệu bệnh lý,...

V. KHAI HOANG, PHỤC HÓA, CẢI TẠO THÀNH RUỘNG BẠC THANG

1. Đất khai hoang: Là đất đã được quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trước thời điểm lập phương án khai hoang chưa giao cho tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng, đang để hoang hoá.

2. Đất để phục hoá: Là đất được quy hoạch để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã có thời gian được sử dụng để sản xuất nông nghiệp, nhưng sau đó diện tích trên không được sản xuất trồng trọt nên đã bị hoang hoá trở lại đến trước thời điểm lập phương án chuyển đổi diện tích đất trên vẫn bị bỏ hoá.

Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ khai hoang, phục hóa phải cam kết sử dụng đất thường xuyên, hàng năm và đúng mục đích, không được xâm phạm vào đất rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ xung yếu.

Đất sau khi khai hoang, phục hóa nêu trên đưa vào trồng các loại cây ngắn ngày như: ngô, đậu tương, mía, lạc, trồng cỏ chăn nuôi và trồng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

3. Đất tạo ruộng bậc thang: Là đất nương rẫy hoang hóa hoặc đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp nhưng được cải tạo thành ruộng bậc thang để trồng lúa nước hoặc trồng hoa màu, cây công nghiệp, trồng cây thức ăn gia súc.

4. Phương thức hỗ trợ

- Đối với những vùng có diện tích đất nông nghiệp khai hoang tập trung: Ủy ban nhân dân huyện lập dự án khai hoang hoặc làm ruộng bậc thang bằng cơ giới, sau đó giao đất cho các hộ sản xuất.

- Đối với những diện tích đất nông nghiệp nhỏ lẻ phân tán hoặc nơi khó thi công bằng cơ giới: Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân tự tổ chức để khai hoang.

5. Trình tự thực hiện

Bước 1: UBND xã thông báo cho các hộ dân có nhu cầu khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang làm đơn đăng ký.

Bước 2: UBND xã cho cán bộ kiểm tra, xác định rõ vị trí, lập sơ đồ lô đất, thửa đất. Nếu phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của xã thì tổng hợp danh sách các hộ dân đăng ký khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang gửi UBND cấp huyện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào chỉ tiêu, kế hoạch, dự toán kinh phí được giao phê duyệt danh sách các hộ, cá nhân đăng ký khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang gửi UBND các xã triển khai, thực hiện.

Bước 4: Nghiệm thu

Thành lập Hội đồng nghiệm thu gồm các thành phần: Chủ tịch UBND xã là chủ tịch hội đồng, các thành viên là cán bộ địa chính - xây dựng xã, cán bộ khuyến nông xã..., đại diện một số đoàn thể cấp xã.

Ủy ban nhân dân xã mời thêm các thành viên cấp huyện tham gia hội đồng nghiệm thu khai hoang gồm các phòng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường.

VI. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao kỹ thuật cho người dân

Tập huấn, bồi dưỡng phải chú trọng truyền đạt cho người dân nắm vững quy trình sản xuất, kỹ thuật, kinh nghiệm và ứng dụng cụ thể vào thực tiễn hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, cách tiếp cận thị trường, phát triển lợi thế của địa phương, hướng dẫn quy trình chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

Trường hợp cần tổ chức thăm quan học hỏi mô hình phải lựa chọn những mô hình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Dự án phát triển ngành nghề và dịch vụ

Các trang thiết bị, máy móc, công cụ chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch hộ và nhóm hộ mua phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có công bố tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành và chế độ bảo hành sản phẩm theo quy định của nhà sản xuất; hộ, nhóm hộ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa phát huy được hiệu quả của máy móc, thiết bị.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Phân bổ vốn kịp thời, đúng chính sách, phù hợp với thực tế của địa phương;

- Cung cấp cho xã các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, của UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan đến Chương trình;

- Thành lập tổ công tác hướng dẫn, giúp đỡ các xã xây dựng Dự án, định hướng cho các xã lựa chọn nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ vào quy hoạch sản

xuất nông lâm nghiệp, mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương (thành phần tổ công tác gồm đại diện cán bộ của các phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Kế hoạch, Dân tộc, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trạm khuyến nông - Khuyến ngư);

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án làm căn cứ cho các xã triển khai, thực hiện;

- Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các xã thực hiện đúng quy định, đạt hiệu quả cao;

- Tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo định kỳ 6 tháng, 01 năm để Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn, kết quả và hiệu quả sử dụng vốn;

- Căn cứ quy hoạch phát triển sản xuất, định hướng phát triển tái cơ cấu ngành nông nghiệp và nhu cầu của người dân, chủ đầu tư định hướng cho người dân lựa chọn những nội dung phù hợp, thiết thực gắn với thị trường để xây dựng Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất có hiệu quả, thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

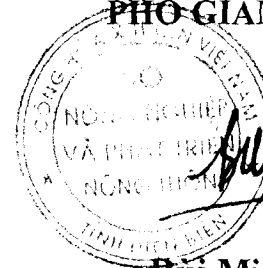
- Xây dựng và lập kế hoạch hàng năm trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt; tổ chức, chỉ đạo lực lượng cán bộ Khuyến nông, thú y (xã, thôn, bản), tham gia hỗ trợ về mặt kỹ thuật, triển khai thực hiện các nội dung dự án đến hộ, nhóm hộ; kiểm tra việc thực hiện dự án và định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện dự án với UBND huyện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị UBND cấp huyện khẩn trương gửi văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp điều chỉnh, bổ sung phù hợp với quá trình thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- HĐND tỉnh (b/c);
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Lao động-Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CCPTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



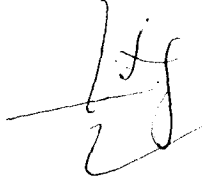
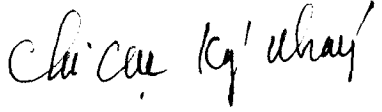
Bùi Minh Hải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Đơn vị trình: Chi cục phát triển nông thôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Kính gửi: Ban Giám đốc Sở.

1. PHẦN GHI DÀNH CHO ĐƠN VỊ TRÌNH		
A. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT: V/v hướng dẫn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh	B. HỒ SƠ KÈM THEO: Dự thảo Văn bản	
	Ngày 26 tháng 3 năm 2018	
	CÁN BỘ THỰC HIỆN  Mai Thị Trang	PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG  Hà Xuân Mừng
C. Ý KIẾN TÓM TẮT CỦA CÁC BỘ PHẬN CÓ LIÊN QUAN:  		

Phiếu trình này được sử dụng cho tất cả các loại công việc trình Ban Giám đốc giải quyết, được lưu giữ tại đơn vị trình và gửi lưu trữ kèm theo hồ sơ công việc.

2. Ý KIẾN CỦA VĂN PHÒNG SỞ Kính đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy đồng ý cho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Ngày 15 tháng 5 năm 2018 KÝ TÊN <i>[Signature]</i> Dương Thị Hương
--	--

3. Ý KIẾN CỦA PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	Ngày	tháng năm 2018 KÝ TÊN
--	------	-------------------------------

4. Ý KIẾN PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC	Ngày	tháng năm 2018 KÝ TÊN
--	-------------	---------------------------------------

Nơi nhận:

- Lưu đơn vị trình ký;
- Lưu VT-VP.

Phiếu trình này được sử dụng cho tất cả các loại công việc trình Ban Giám đốc giải quyết, được lưu giữ tại đơn vị trình và gửi lưu trữ kèm theo hồ sơ công việc.